| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦN GIUỘC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 588/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21/11/2023, về "*ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 11/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị M, sinh năm: 1994, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985, cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày:*

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 12/01/2012. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Khi cưới nhau, hai vợ chồng ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Gần đây, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Hầu như ngày nào anh T đều la chị M, khoảng 01 tuần anh T đánh chị M một lần. Chị

M và anh T sống cùng nhà nhưng chị M bị đánh thường xuyên khi anh uống rượu vào, không gây thương tích, nên chị M bỏ về nhà mẹ ruột chị M ở khoảng 07 tháng nay.Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp gì đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2018. Hiện cháu Ý đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn T* đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Anh T cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu ly hôn của chị M.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M. Trong vụ án ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2018. Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 12/01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp thì chị M và anh T là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị M và anh T lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, gây thương tích cho nhau. Hiện, vợ chồng không còn sống chung khoảng 07 tháng. Trong thời gian không sống chung, chị M, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng anh, chị không thể đoàn tụ được do anh T không tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh T đã trầm trọng, thời gian anh chị không sống chung đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị M, anh T có một người con chung: Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2018. Hiện tại chị M đang nuôi dưỡng cháu Ý. điều kiện sống của cháu đã ổn định. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ý. Anh T không có ý kiến về con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Ý.

Về mức cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010738, ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M đối với anh Nguyễn Văn T.

*1. Về hôn nhân:* Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

*2. Về con chung:* Chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2018.

Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*3. Về án phí*: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010738, ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh V**